

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 626/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của giải quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cụ thể như sau:

1. Nội dung ủy quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giải quyết 22 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

2. Phạm vi và thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, hoặc khi có Quyết định thay thế, hoặc bãi bỏ và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ sở pháp lý, nội dung trình ủy quyền và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

2. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền, để được chỉ đạo xử lý kịp thời.

3. Không được ủy quyền tiếp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- CVNCTH: NN9, NN10
- Lưu: VT, NN5₍₀₎.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Đông

Phụ lục:
Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền
cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Mã số TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ THỰC HIỆN
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: 10 TTHC		
1	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Điều 22 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
2	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Khoản 1 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
3	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Điều 25 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
4	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Khoản 3 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
5	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Điều 23 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
6	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Khoản 3 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
7	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Khoản 5 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
8	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Khoản 5 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
9	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Khoản 7 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
10	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Điều 24 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT

Số TT	Mã số TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ THỰC HIỆN
II	Lĩnh vực Trồng trọt: 12 TTHC		
1	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Khoản 1 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 15 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
2	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Khoản 9 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
3	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khoản 13 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
4	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.	Khoản 11 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 11 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
5	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khoản 13 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 13 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
6	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Khoản 2 Điều 6 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
7	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khoản 15 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 19 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
8	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khoản 15 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 20 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
9	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Khoản 12 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 18 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
10	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Khoản 17 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 14 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT

Số TT	Mã số TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ THỰC HIỆN
11	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	Khoản 8 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 16 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT
12	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	Khoản 2 Điều 7 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư 12/2025/TT-BNNMT

Trang cuối./.